

Bản án số: 07/2019/HNGĐ -ST

Ngày 31-5-2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Việt Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trần Thị Thanh Hà;

2. Ông Nguyễn Văn Biên.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Ngọc Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Cường Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 05/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2019, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1988;

Nơi ĐKNKTT: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Q. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Thái Văn N, sinh năm 1986;

Địa chỉ cuối cùng trước khi xuất cảnh sang Đài Loan: Thôn L, xã C, huyện C, tỉnh Q. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn xin ly hôn và ý kiến tại phiên công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:*

Ngày 19 tháng 8 năm 2013, chị Lê Thị T và anh Thái Văn N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã C, huyện C tỉnh Q. Quá trình chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên do là từ khi chị T có thai anh N không có trách nhiệm, không quan tâm chăm sóc vợ khi mang thai mà còn nhiều lần chửi và đánh đập chị Trang. Mâu thuẫn ngày càng lớn hơn khi chị T sinh con gái đầu được 10 tháng thì có thai cháu thứ 02, anh N đưa chị T về nhà ngoại và không thăm hỏi cũng như không chu cấp gì cho con, đến khi sinh con thì một mình chị T và bố đẻ đưa đi, không có ai giúp đỡ, gia đình bên nội đưa cháu về chăm sóc sau khi chị T sinh con. Mặt khác, quan điểm trong cuộc sống gia đình và các vấn đề khác giữa 02 người

không đồng thuận dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã ly thân hơn 04 năm, không thể duy trì quan hệ hôn nhân được nữa, việc tiếp tục chung sống chỉ làm khổ cho cả 02 người. Vì vậy, chị Lê Thị T đề nghị Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Thái Văn N.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Thái Bảo C, sinh ngày 23/6/2014 và cháu Thái Tuấn K, sinh ngày 23/5/2016. Chị T có nguyện vọng được nuôi cháu Thái Bảo C đến tuổi trưởng thành và đồng ý cho gia đình bên nội nuôi cháu Thái Tuấn K, không yêu cầu anh Thái Văn N trợ cấp nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về ý kiến của anh Thái Văn N:* Khi thụ lý vụ án, do anh N đã xuất cảnh sang lao động tại Đài Loan, ông Thái Văn C là bố đẻ của anh N xác nhận anh N đang lao động tại Đài Loan, gia đình không biết địa chỉ, nhưng hàng tuần anh N và gia đình vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Thái Văn C và đã được ông C thông báo lại cho anh N nhưng anh N vẫn không có ý kiến bằng văn bản về việc giải quyết ly hôn cũng như tham gia các phiên họp và hòa giải.

*Tại biên bản làm việc ngày 29/02/2019, ông Thái Văn C là bố đẻ của anh Thái Văn N có ý kiến như sau:* Anh Thái Văn N có hộ khẩu trước khi xuất cảnh tại: Thôn L, xã C, huyện C, tỉnh Q hiện tại đang lao động tại Đài Loan, ông C không rõ địa chỉ. Năm 2013 anh N và chị T kết hôn, hiện tại có 02 con chung là Thái Bảo C, sinh năm 2014 và Thái Tuấn K, sinh năm 2016. Quá trình chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn khi chị T có thai cháu thứ 02 thì muốn phá thai nên sau khi sinh con được 10 tiếng gia đình ông Thái Văn C đã đưa cháu về nuôi dưỡng cho đến nay. Từ khi sang Đài Loan lao động cho đến nay, gia đình không biết địa chỉ của anh N ở Đài Loan, nhưng hàng tuần anh N vẫn liên lạc với gia đình, qua điện thoại ông C đã thông báo cho anh N biết về thông báo thụ lý số 05/TB-TLVA ngày 21/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị cho anh N biết nội dung và anh N không có ý kiến gì phản hồi gì, chỉ điện thoại cho gia đình là đồng ý ly hôn với chị Trang; về con chung anh N đồng ý nuôi cháu Thái Tuấn K; về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

*Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND tỉnh Quảng Trị.

Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị T với anh Thái Văn N là hợp pháp. Tuy nhiên, sau khi kết hôn vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân với nhau thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227

của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trang, cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Thái Văn N.

Về con chung: Giao cháu Thái Bảo C, sinh ngày ngày 23/6/2014 và cháu Thái Tuấn K, sinh ngày 23/5/2016 cho chị Lê Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Thái Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.]. Về thủ tục tố tụng: Khi chị Lê Thị T khởi kiện xin ly hôn đối với anh Thái Văn N thì anh Thái Văn N đã xuất khẩu sang lao động tại Đài Loan. Trước và sau khi thụ lý vụ án bị đơn và thân nhân của bị đơn không cung cấp địa chỉ nơi làm việc ở nước ngoài của bị đơn nhưng hàng tuần bị đơn vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, nên được coi là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết cho việc giải quyết vụ án, do đó Tòa án căn cứ hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của TAND tối cao về việc “Giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ” để giải quyết vụ án theo thủ tục chung quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Thái Văn N đều vắng mặt nên không tiến hành các phiên họp và hòa giải được; Tòa án đã tiến hành các thủ tục để mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định của pháp luật, nhưng phiên tòa ngày 17/5/2019 nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt lần thứ nhất mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ, nên Hội đồng xét xử Quyết định hoãn phiên tòa ngày 17/5/2019 và ấn định lại phiên tòa được xét xử vào ngày 31/5/2019. Tòa án đã tiến hành tổng đạt họp lệ quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập bị đơn đến phiên tòa ngày 31/5/2019 thông qua người thân của bị đơn là ông Thái Văn C (bố anh N), tuy nhiên tại phiên tòa ngày 31/5/2019 anh Thái Văn N vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Thái Văn N là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C tỉnh Q vào năm 2013. Theo chị T thì quá trình vợ chồng chung sống chỉ được một thời gian ngắn thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên do là từ khi chị T có thai anh N không có trách nhiệm, không quan tâm chăm sóc vợ khi mang thai mà còn nhiều lần chửi và đánh đập chị Trang. Mâu thuẫn ngày càng lớn hơn khi chị T sinh con gái đầu được 10 tháng thì có thai cháu thứ 02, anh N đưa chị T về nhà ngoại và không thăm hỏi cũng như không chu cấp gì cho con, đến khi sinh con thì một mình chị T và bố đẻ đưa đi, không có ai giúp đỡ, gia đình bên nội đưa cháu về chăm sóc ngay sau khi chị T sinh con. Mặt khác, quan điểm trong cuộc sống gia đình và các vấn đề khác giữa 02 người không đồng

thuận dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã ly thân hơn 04 năm. Qua xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương cho thấy cuộc sống 02 vợ chồng sau khi kết hôn không được tâm đầu ý hợp; gia đình anh N với chị T không được hòa thuận; năm 2017 anh N và chị T đã xảy ra tranh chấp việc nuôi con nhưng được chính quyền giải quyết. Xét thấy, chị T và anh N đã sống ly thân 04 năm nay, hai bên không quan tâm, chăm sóc nhau điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T với anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Thái Văn N.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Thái Bảo C, sinh ngày 23/6/2014 và cháu Thái Tuấn K, sinh ngày 23/5/2016. Chị T có nguyện vọng được nuôi cháu Thái Bảo C đến tuổi trưởng thành, còn giao cháu Thái Tuấn K cho gia đình bên nội nuôi dưỡng; tại biên bản làm việc ngày 29/02/2019 ông Thái Văn C bố của anh N trình bày thông qua điện thoại anh Thái Văn N đồng ý nhận nuôi cháu Thái Tuấn K. Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù hiện nay chị T đang nuôi cháu Thái Bảo C, gia đình anh N đang nuôi dưỡng cháu Thái Tuấn K. Tuy nhiên, do anh N đang lao động tại Đài Loan, không có địa chỉ nơi ở và làm việc, việc giao con cho anh N nuôi không đủ căn cứ pháp lý và ảnh hưởng đến quyền lợi của con. Chị T hiện đang làm việc ổn định và có địa chỉ tại Việt Nam, do đó cần căn cứ Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình để giao cháu Thái Bảo C và cháu Thái Tuấn K cho chị Lê Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau này, khi anh N về nước nếu muốn nuôi dưỡng và chăm sóc con chung thì có quyền đề nghị Tòa án có thẩm quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị T cho rằng quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và chị T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con của chị Lê Thị T được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn anh Thái Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Thái Bảo C, sinh ngày 23/6/2014 và cháu Thái Tuấn K, sinh ngày 23/5/2016 cho chị Lê Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được quyền cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 000593 ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Thái Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

*Nơi nhận:*

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Q.Trị;
- Cục THADS tỉnh Q.Trị;
- Tổ HCTP;
- Phòng KTNV và THA;
- UBND xã C, CL;
- Lưu HS./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Việt Trung**



*Nơi nhận:*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Thu Hà**